

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/HS-ST

Ngày 11/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ban ;
2. Ông Nguyễn Ngọc Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Minh Th** - Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Tèo.

Sinh ngày 15 tháng 02 năm 1987. Tại: VD, DB, QN.

Nơi cư trú: Khối 2, phường VD, thị xã DB, tỉnh QN.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12.

Nghề nghiệp: Lao động phổ thông.

Tên cha: Phạm Ngọc Th - Sinh năm 1955 (đã chết).

Tên mẹ: Nguyễn Thị Thanh N - Sinh năm 1956.

Bị cáo là con thứ tư trong gia đình có bốn anh chị em.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 16/11/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố HA xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, đã được xóa án.

Bị cáo Phạm Minh T đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” tại Nhà tạm giữ Công an thị xã DB kể từ ngày 01/01/2019. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* 1. Ông Nguyễn T – Sinh năm: 1972

2. Bà Thân Thị Thanh L – Sinh năm: 1981

Cùng nơi cư trú: khối PN, phường ĐA, thị xã DB, QN

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Lê Hữu T – Sinh năm: 1981

Nơi cư trú: Khối 6, phường VĐ, thị xã DB, tỉnh QN.

2. Ông Nguyễn Văn C – Sinh năm: 1994

Nơi cư trú: Khối 5, phường VĐ, thị xã DB, tỉnh QN.

3. Ông Nguyễn Hồng V – Sinh năm: 1981

Nơi cư trú: thôn CĐ, xã ĐP, thị xã DB, tỉnh QN.

(Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 45 phút ngày 30/12/2018 Phạm Minh Th – Sinh năm 1987 (trú: Khối 2, VĐ, DB) điều khiển xe mô tô BKS: 92C1 – 187.81 đi lên nhà bạn ở khối phố PN, phường ĐA. Khi đi qua UBND phường ĐA một đoạn Th phát hiện trong sân nhà anh Nguyễn T – Sinh năm 1972 (trú: PN, ĐA, DB) có để xe mô tô hiệu LEAD BKS: 92D1 - 397.95, trên xe vẫn còn cắm chìa khóa nên Th nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô này bán kiếm tiền tiêu xài. Th chạy lên một đoạn vào quán cà phê ven đường để xe, rồi đi bộ quay lại nhà anh T. Thông đi bộ vào trong sân gặp cháu Nguyễn Huy H – Sinh năm 2008 là con của vợ chồng anh T, Th hỏi “có mẹ ở nhà không”, cháu H trả lời “mẹ đi đám cưới rồi”. Lợi dụng nhà không có người cháu H còn nhỏ chưa hiểu biết Th lấy xe mô tô BKS 92D1 - 397.95 đem về nhà cất giấu. Sau đó Th nhờ anh Lê Hữu T - Sinh năm 1981 (trú: Khối 6, VĐ, DB) ở gần nhà mình chở lên lại quán cà phê lấy xe mô tô 92C1 – 187.81 của mình. Sau khi trộm cắp được số tài sản trên Th điện thoại liên hệ với Nguyễn Văn H – Sinh năm 1988 (trú: Khối 5, VĐ, DB) hỏi có mua xe không giấy tờ không. Anh H trả lời đang đi làm ở QNi không về được. Đến sáng ngày

01/01/2019 Th tháo hai gương chiếu hậu và mở cốp xe thì phát hiện bên trong có 01 (một) ĐTDĐ hiệu Viettel cùng dây sạc pin và 35 (ba mươi lăm) Sim Viettel. Đến chiều ngày 01/01/2019 anh Nguyễn Văn C – Sinh năm 1994 (trú: Khối 5, VĐ, ĐB) qua rủ Th đi uống cà phê nên Th lấy xe mô tô trộm cắp được chở C đến quán cà phê Bi Dung ở khối phố 4, phường VĐ uống cà phê. Trong quá trình đi tìm chị L phát hiện xe mô tô của mình trong quán cà phê Bi Dung nên trình báo Cơ quan Công an. Khi Th vừa ra lấy xe thì bị Công an thị xã ĐB bắt.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 09/HĐ-ĐG ngày 03/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã ĐB xác định tổng giá trị tài sản bị trộm cắp tại nhà chị Thân Thị Thanh L là 30.649.000 đồng. Tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho bị hại xong.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐB đã truy tố bị cáo Phạm Minh Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS 2015. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù.

Bị cáo không có tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Vào khoảng 10 giờ 45 phút ngày 28 tháng 12 năm 2018 tại nhà anh Nguyễn T thuộc khối phố PN, phường Đ A, Phạm Minh Th đã có hành vi trộm cắp 01 (một) xe mô tô hiệu LEAD BKS: 92D1 - 397.95 của anh Nguyễn T, bên trong cốp xe là tài sản của chị Thân Thị Thanh L có 01 (một) ĐTDĐ hiệu Viettel V6312 kèm sạc pin và 35 (ba mươi lăm) sim trắng Viettel. Tổng giá trị tài sản trộm cắp theo định giá là 30.649.000 đồng (ba mươi triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng). Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp

với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có tại hồ sơ vụ án. HĐXX có đầy đủ căn cứ kết luận bị cáo Phạm Minh Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS 2015. Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐB và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Xét thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; tỏ ra ăn năn hối cải; tài sản trộm cắp đã trả lại cho người bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015. HĐXX xem xét các tình tiết này đối với bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Đối với mức án do Viện kiểm sát đề nghị từ 18 -24 tháng tù, Hội đồng xét xử xét thấy, tuy bị cáo có nhân thân xấu nhưng bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên HĐXX thống nhất xét xử bị cáo hình phạt tù nhưng thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5]Về dân sự: Tài sản bị trộm cắp đã trả lại cho bị hại, và bị hại không có yêu cầu khác nên HĐXX không xem xét.

[6]Về án phí: Bị cáo Phạm Minh Th phải chịu án phí HSST theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Minh Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Minh Th 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ (ngày 01/01/2019) .

Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Bị cáo Phạm Minh Th phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí HSST.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo Bản án. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án của Tòa án gửi đến.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QN;
- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng PV 27 Công an Q.N;
- Phòng HSNV Sở Tư Pháp Q N;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Tân

